

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **33/2019/HNGĐ-PT**

Ngày 18 - 10 - 2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Phương Đông

*Các Thẩm phán:*

Bà Phan Thi Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Lê Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà  
Lê Hồng Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét  
xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số:  
36/2019/TLPT- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng  
7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai bị kháng  
cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2019/QĐ-PT ngày  
04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh T1**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số H, khu Phước T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số B, tổ N, ấp M, xã T, huyện L, tỉnh Đ (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm:

*Trong Đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải,  
biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và*

*lời khai tiếp theo tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn A chung sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, cách nuôi dạy con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hạnh phúc, bà không còn tình cảm với ông A nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn ông A. Vợ chồng ly thân từ giữa năm 2018 đến nay.

- Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh T2, sinh ngày 04/01/2017 và cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 01/10/2015. Hiện 02 con chung đang sống cùng với ông A. Nếu ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T3 và cháu T2, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con do bà đủ khả năng nuôi con. Hiện tại, bà đang làm thuê, phụ bán quần áo tại shop thời trang L, địa chỉ: Số B, đường H, khu P, thị trấn L, huyện L, lương thu nhập mỗi tháng mà 8.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lời khai tiếp theo tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T1 chung sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, cách nuôi dạy con nên thường xuyên cãi vã, chung sống không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ giữa năm 2018 đến nay. Ông không còn tình cảm với bà T1. Ông đồng ý yêu cầu ly hôn của bà T1.

- Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh T2, sinh ngày 04/01/2017 và cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 01/10/2015. Hiện 02 con chung do ông nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T3 và cháu T2, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con, do ông đủ khả năng nuôi con. Hiện tại, ông làm việc tại Công ty G, lương thu nhập mỗi tháng là 15.000.000 đồng. Thời gian làm việc theo ca, mỗi ca 08 tiếng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 05/7/2019, Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đã căn cứ:*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1 và bị đơn ông Nguyễn Văn A.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Anh T2, sinh ngày 04/01/2017 và cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 01/10/2015 cho bà Nguyễn Thị Thanh T1 nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Văn A không cấp dưỡng nuôi con. Ông A được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/7/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1983 có đơn kháng cáo đối với bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện L và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao hai cháu Nguyễn Minh T3 và Nguyễn Ngọc Anh T2 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục kháng cáo: Ngày 12/7/2019, ông Nguyễn Văn A có đơn kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đ về phần nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự thì Đơn kháng cáo làm trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí theo quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung đơn kháng cáo:

Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T1 khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con nên có hai quan hệ pháp luật là ly hôn và tranh

chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định một quan hệ tranh chấp ly hôn là thiếu nên cần bổ sung quan hệ tranh chấp về nuôi con cho đầy đủ.

Về đường lối : Sau khi cấp sơ thẩm xét xử thì ông Nguyễn Văn A có đơn kháng cáo về quan hệ nuôi con chung . Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm , vào ngày 04/10/2019, bà Nguyễn Thị Thanh T1 có bản tự khai đồng ý với kháng cáo của ông Nguyễn Văn A về việc giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh T2, sinh ngày 04/01/2017 và cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 01/10/2015 cho ông Nguyễn Văn A nuôi dưỡng, tạm thời bà Nguyễn Thị Thanh T2 không cấp dưỡng nuôi con và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Thanh T1 thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung và thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự : chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn A , sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn A làm trong hạn luật định, đúng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn” là chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự (những tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án ). Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm thì bà Nguyễn Thị Thanh T1 và ông Nguyễn Văn A ngoài tranh chấp ly hôn còn tranh chấp về nuôi con . Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án hôn nhân gia đình là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo tinh thần quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự (cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về việc xác định quan hệ pháp luật chưa đầy đủ).

#### **[2] Về nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn A xét thấy:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Thanh T1 thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Thanh T1 không có ý kiến hay kháng cáo đối với nội dung cấp sơ thẩm “Công nhận thuận tình ly hôn”.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Thanh T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh T2, sinh ngày 04/01/2017 và cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 01/10/2015 (hiện 02 con chung đang sống cùng với ông Nguyễn Văn A). Cấp sơ thẩm trên cơ sở quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình tuyên xử : giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh T2, sinh ngày 04/01/2017 và cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 01/10/2015 cho bà Nguyễn Thị Thanh T1 nuôi dưỡng, tạm thời ông Nguyễn Văn A không cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Nguyễn Văn A giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo là đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh T2, sinh ngày 04/01/2017 và cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 01/10/2015 cho ông Nguyễn Văn A nuôi dưỡng, tạm thời bà Nguyễn Thị Thanh T1 không cấp dưỡng nuôi con. Đối với nội dung kháng cáo này, bà Nguyễn Thị Thanh T1 thông nhất và đồng ý với nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn A.

Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Thanh T1 thỏa thuận được với nhau về việc “giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh T2, sinh ngày 04/01/2017 và cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 01/10/2015 cho ông Nguyễn Văn A nuôi dưỡng, tạm thời bà Nguyễn Thị Thanh T1 không cấp dưỡng nuôi con” và sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nội dung nuôi con chung.

- Về tài chung và nợ chung: ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Thanh T1 xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự trong vụ án hôn nhân gia đình: Trên cơ sở quy định tại Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đối với án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phần kháng cáo về nuôi con chung. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn A số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002639 ngày 18/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số

0001430 ngày 24/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L (bà Thủy đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm)

Vì những lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 300; khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn A. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Thanh T1 về phần nuôi con chung.

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1 và bị đơn ông Nguyễn Văn A.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Thanh T1 về việc: Giao cháu Nguyễn Ngọc Anh T2, sinh ngày 04/01/2017 và cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 01/10/2015 cho ông Nguyễn Văn A nuôi dưỡng. Tạm thời bà Nguyễn Thị Thanh T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Thanh T1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4. Về án phí dân sự trong vụ án hôn nhân gia đình:

Đối với án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm , công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phần kháng cáo về nuôi con chung . Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn A số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002639 ngày 18/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm : bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0001430 ngày 24/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L (bà T1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Phương Đông**



